

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 09 ngày 09 tháng 09 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 6 năm 2017.

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: TVT
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 21.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 210.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 3896 9337 – 3896 0543
- Fax : 028 3896 9319

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Dịch vụ lắp ráp, lắp đặt không phải là dịch vụ xây dựng) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bông, xơ, sợi;
- Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bao gồm: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác từ các đơn vị sản xuất trong khuôn viên Công ty để về điểm tập kết xử lý (trừ hoạt động thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình);
- Hoạt động của các căng tin (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Cung cấp nước trong khu công nghiệp phục vụ sản xuất;
- Sản xuất sản phẩm dệt may;
- Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp (trừ lưu trú bệnh nhân).

Trong năm 2024, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải và sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các căng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Quản lý điều hành

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Quản lý điều hành trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Diêu Chí Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022
Bà Đào Thị Nội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/06/2022

Ban Quản lý điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2020
Ông Lê Nguyễn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (không chuyên trách)	Bổ nhiệm ngày 01/08/2009
Ông Đậu Phi Quyết	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/02/2022
Ông Bùi Đăng Hoàn	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 25/02/2022
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 17/12/2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Minh – Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUANG MINH

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 276/2025/BCKT-HCM.01074



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (được gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẶC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

NGUYỄN NGỌC ANH TRÚC
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5517-2021-009-1

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		711.587.347.823	713.162.981.998
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	166.116.689.159	144.648.412.474
Tiền	111		166.116.689.159	143.648.412.474
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	82.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	-	82.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.585.874.883	147.483.266.322
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	146.185.920.192	146.013.204.238
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.417.497.205	4.569.861.007
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	3.241.399.716	6.159.143.307
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(9.258.942.230)	(9.258.942.230)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	398.303.898.530	334.000.249.570
Hàng tồn kho	141		401.287.383.622	340.271.473.260
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.983.485.092)	(6.271.223.690)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.580.885.251	5.031.053.632
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	1.559.561.913	2.097.728.767
Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.323.338	1.893.219.313
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	-	1.040.105.552
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		393.719.851.530	454.792.451.578
Các khoản phải thu dài hạn	210		75.000.000	75.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	75.000.000	75.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		245.097.018.537	274.443.664.260
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	244.748.196.537	273.978.568.260
Nguyên giá	222		1.247.440.204.819	1.206.244.234.746
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.002.692.008.282)	(932.265.666.486)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	348.822.000	465.096.000
Nguyên giá	228		581.370.000	581.370.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(232.548.000)	(116.274.000)
Bất động sản đầu tư	230	5.10	41.326.728.653	40.138.471.309
Nguyên giá	231		105.192.051.769	99.345.324.219
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(63.865.323.116)	(59.206.852.910)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.620.197.700	37.463.930.710
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	4.620.197.700	37.463.930.710
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	81.442.072.486	86.880.807.327
Đầu tư vào công ty con	251		77.890.684.464	77.890.684.464
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16.058.786.163	16.058.786.163
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.600.000.000	3.600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.107.398.141)	(10.668.663.300)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		21.158.834.154	15.790.577.972
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	20.823.046.891	14.335.801.376
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	335.787.263	1.454.776.596
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.105.307.199.353	1.167.955.433.576

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		601.213.441.519	656.480.580.628
Nợ ngắn hạn	310		569.867.391.555	604.894.894.693
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	30.547.135.620	40.033.371.874
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	5.545.362.524	4.226.463.674
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	7.453.231.565	334.418.102
Phải trả người lao động	314		24.156.841.147	12.912.910.357
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	3.938.447.704	3.087.968.756
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	11.402.793.701	137.567.451.435
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18.1	484.416.053.782	402.741.126.100
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.19	2.407.525.512	3.991.184.395
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		31.346.049.964	51.585.685.935
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	4.025.970.318	4.642.522.985
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18.2	27.320.079.646	46.943.162.950
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-


TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP


127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		504.093.757.834	511.474.852.948
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	504.093.757.834	511.474.852.948
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		53.396.822.577	53.396.822.577
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		237.634.207.984	245.015.303.098
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		223.641.516.661	232.555.755.198
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		13.992.691.323	12.459.547.900
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.105.307.199.353	1.167.955.433.576


HOÀNG THỊ THÚY VÂN
Người lập biểu


DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng


NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025



TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.104.341.283.038	1.214.753.915.561
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	911.244.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.104.341.283.038	1.213.842.671.561
Giá vốn hàng bán	11	6.2	959.785.355.892	1.122.992.386.891
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		144.555.927.146	90.850.284.670
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.167.732.844	18.553.738.752
Chi phí tài chính	22	6.4	35.821.105.167	41.715.023.786
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		26.988.687.372	37.398.583.368
Chi phí bán hàng	25	6.5	8.532.846.528	5.891.603.942
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	74.883.010.959	46.380.645.209
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.486.697.336	15.416.750.485
Thu nhập khác	31	6.7	801.752.071	1.180.596.919
Chi phí khác	32		51.490.146	179.228.379
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		750.261.925	1.001.368.540
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.236.959.261	16.418.119.025
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.15	7.725.278.605	5.721.500.109
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.118.989.333	(1.762.928.984)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.392.691.323	12.459.547.900

HOÀNG THỊ THÚY VÂN
Người lập biểu**DIỆP QUỐC BÌNH**
Kế toán trưởng**NGUYỄN QUANG MINH**
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
Lợi nhuận trước thuế	01		31.236.959.261	16.418.119.025
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	6.9	81.626.749.898	86.126.563.738
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		2.150.996.243	(5.916.800.473)
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(752.838.503)	1.013.583.560
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.049.870.111)	(13.788.631.651)
Chi phí lãi vay	06	6.4	26.988.687.372	37.398.583.368
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		138.200.684.160	121.251.417.567
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		2.161.331.153	10.429.879.646
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(61.015.910.362)	20.084.351.144
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(131.346.932.160)	(81.138.527.924)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(5.949.078.661)	(2.706.550.710)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(27.012.316.833)	(37.547.016.752)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.957.445.320)	(10.595.152.489)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(86.919.668.023)	19.778.400.482
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(20.070.095.395)	(56.683.956.175)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		319.444.444	775.319.866
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(102.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		82.000.000.000	325.700.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.979.558.585	24.425.173.730
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		66.228.907.634	191.516.537.421
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	966.988.921.033	825.057.392.298
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(905.061.960.476)	(1.102.065.864.668)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.525.446.500)	(52.732.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		41.401.514.057	(329.740.522.370)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		20.710.753.668	(118.445.584.467)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	5.1	144.648.412.474	262.873.335.342
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		757.523.017	220.661.599
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		166.116.689.159	144.648.412.474

HOÀNG THỊ THÚY VÂN
Người lập biểu

DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 09 ngày 09 tháng 09 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 06 năm 2017.

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
 - Mã chứng khoán: TVT
 - Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu niêm yết: 21.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 210.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Dịch vụ lắp ráp, lắp đặt không phải là dịch vụ xây dựng) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bông, xơ, sợi;
- Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bao gồm: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác từ các đơn vị sản xuất trong khuôn viên Công ty để về điểm tập kết xử lý (trừ hoạt động thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình);
- Hoạt động của các căng tin (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Cung cấp nước trong khu công nghiệp phục vụ sản xuất;
- Sản xuất sản phẩm dệt may;
- Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp (trừ lưu trú bệnh nhân).

Trong năm 2024, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải và sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các căng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất hàng may mặc, gia công may	52,27%	52,27%	52,27%
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán phụ liệu ngành dệt may	58,55%	58,55%	58,55%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại áo cao cấp	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất mua bán nguyên vật liệu ngành dệt	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng (*)	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại quần áo thời trang	35,00%	35,00%	18,29%

(*) Là công ty liên kết gián tiếp với Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 892 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 946 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty liên kết (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Thành phẩm: bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ khi phát sinh.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 38
Máy móc, thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 09

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa	05 – 25

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

05-C
TY
ÁN
NAM
HIM

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

- *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bên liên quan (tiếp theo)

Các Công ty/ Cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần May Việt Thắng	Công ty con
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	Công ty con
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	Công ty liên kết (gián tiếp)
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	245.971.592	904.783.730
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	88.813.725.120	120.423.190.945
- USD (*)	77.056.992.447	22.320.437.799
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	166.116.689.159	144.648.412.474

(*) Tại ngày 31/12/2024, khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 3.051.641,22 USD tương đương 77.056.992.447 VND (tại ngày 01/01/2024 là 926.928,48 USD tương đương 22.320.437.799 VND).

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	82.000.000.000	82.000.000.000
	-	-	82.000.000.000	82.000.000.000

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con						
- Công ty Cổ phần May Việt Thắng (1)	12.742.589.464	-	(*)	12.742.589.464	-	(*)
- Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An (2)	65.148.095.000	(7.107.398.141)	(*)	65.148.095.000	(1.229.146.026)	(*)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
- Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I (3)	7.058.786.163	-	(*)	7.058.786.163	(439.517.274)	(*)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh (4)	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty TNHH Dệt Việt Phú (5)	3.600.000.000	-	(*)	3.600.000.000	-	(*)
	97.549.470.627	(16.107.398.141)		97.549.470.627	(10.668.663.300)	

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào đơn vị khác

- (1) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần May Việt Thắng với giá trị 12.742.589.464 VND, chiếm 52,27% vốn điều lệ.
- (2) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An với giá trị 65.148.095.000 VND, chiếm 58,55% vốn điều lệ.
- (3) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I với giá trị 7.058.786.163 VND, chiếm 50,00% vốn điều lệ.
- (4) Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh với giá trị 9.000.000.000 VND, chiếm 20,00% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May Thành phố Hồ Chí Minh tạm ngưng hoạt động từ ngày 08 tháng 08 năm 2022 theo Quyết định phá sản 1198/2022/QĐ-TBPS ngày 08/08/2022 của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.
- (5) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Dệt Việt Phú với giá trị 3.600.000.000 VND, chiếm 7,20% vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm

- Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh: đã tạm ngưng hoạt động từ ngày 08 tháng 08 năm 2022 theo Quyết định phá sản 1198/2022/QĐ-TBPS ngày 08/08/2022 của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.
- Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	10.668.663.300	11.068.218.102
Trích lập dự phòng trong năm	5.878.252.115	1.229.146.026
(Hoàn nhập) dự phòng trong năm	(439.517.274)	(1.628.700.828)
Tại ngày cuối năm	16.107.398.141	10.668.663.300

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Cổ phần May Việt Thắng		
Doanh thu bán thành phẩm	-	124.163.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.782.273.178	1.627.355.054
Doanh thu cho thuê	2.024.635.138	1.493.319.110
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An		
Doanh thu bán thành phẩm	1.102.928.750	182.829.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.315.015.780	1.161.378.324
Doanh thu bán hàng hóa	-	3.960.000
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	999.865.219	959.969.755
Doanh thu cho thuê	309.702.080	209.544.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần May Việt Thắng	581.829.771	747.318.360
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I	793.346.533	710.281.831
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	14.014.206.100	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Thanh Quang	15.881.420.991	32.121.622.351
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	14.067.078.547	14.897.511.904
Các khách hàng khác	100.848.038.250	97.536.469.792
	146.185.920.192	146.013.204.238

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty Cổ phần May Việt Thắng				
+ Phải thu về thuốc y tế	23.110.255	-	19.316.303	-
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An				
+ Phải thu về thuốc y tế	5.592.092	-	2.324.515	-
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I				
+ Phải thu về cổ tức	1.130.922.000	(1.130.922.000)	1.130.922.000	(1.130.922.000)
+ Phải thu về thuốc y tế	13.924.815	-	10.718.635	-
Các tổ chức và cá nhân khác				
Lãi tiền gửi dự thu	-	-	2.294.507.918	-
Cổ tức phải thu	1.080.000.000	-	1.080.000.000	-
Phải thu khác	987.850.554	-	1.621.353.936	-
	3.241.399.716	(1.130.922.000)	6.159.143.307	(1.130.922.000)

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Các khoản ký cược, ký quỹ	75.000.000	-	75.000.000	-
	75.000.000	-	75.000.000	-

5.5 Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	31/12/2024		Thời gian quá hạn	01/01/2024	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu thương mại						
Các tổ chức khác						
Công ty TNHH Thương mại Phó Nghiệp Thành	> 3 năm	7.854.352.473	-	> 3 năm	7.854.352.473	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đoàn Kết	> 3 năm	273.667.757	-	> 3 năm	273.667.757	-
Phải thu khác - Bên liên quan						
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I	> 3 năm	1.130.922.000	-	> 3 năm	1.130.922.000	-
		9.258.942.230	-		9.258.942.230	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tại ngày đầu năm	9.258.942.230	9.258.942.230
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng trong năm	-	-
Tại ngày cuối năm	9.258.942.230	9.258.942.230

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	13.834.779.279	-	3.016.430.729	-
Nguyên vật liệu	125.209.396.500	(2.754.611.259)	137.181.289.559	(2.754.611.259)
Công cụ và dụng cụ	85.319.520	-	114.871.822	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.678.302.628	-	27.807.579.903	-
Thành phẩm	226.333.327.345	(228.873.833)	172.132.539.929	(3.516.612.431)
Hàng hóa	146.258.350	-	18.761.318	-
	401.287.383.622	(2.983.485.092)	340.271.473.260	(6.271.223.690)

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tại ngày đầu năm	6.271.223.690	11.788.469.361
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng trong năm	<u>(3.287.738.598)</u>	<u>(5.517.245.671)</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.983.485.092</u>	<u>6.271.223.690</u>

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công cụ, dụng cụ	321.645.476	2.045.908.385
Bảo hiểm rủi ro tài sản	661.217.275	-
Bảo hộ lao động	284.387.764	-
Chi phí khám sức khỏe	184.009.500	-
Chi phí khác	108.301.898	51.820.382
	<u>1.559.561.913</u>	<u>2.097.728.767</u>

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công cụ, dụng cụ	20.128.719.786	14.198.108.047
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	647.817.774	108.624.999
Chi phí bảo hành phần mềm	46.509.331	29.068.330
	<u>20.823.046.891</u>	<u>14.335.801.376</u>

5.8 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	160.118.353.531	1.031.943.310.573	12.930.512.868	1.252.057.774	1.206.244.234.746
Đầu tư XD/CB hoàn thành	507.050.000	46.438.868.660	235.000.000	440.715.309	47.621.633.969
Giảm do thanh lý	-	(5.025.663.896)	(1.400.000.000)	-	(6.425.663.896)
Tại ngày 31/12/2024	<u>160.625.403.531</u>	<u>1.073.356.515.337</u>	<u>11.765.512.868</u>	<u>1.692.773.083</u>	<u>1.247.440.204.819</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	98.888.049.528	824.079.808.971	8.394.920.290	902.887.697	932.265.666.486
Khấu hao trong năm	6.905.226.982	68.526.609.427	1.198.499.772	221.669.511	76.852.005.692
Giảm do thanh lý	-	(5.025.663.896)	(1.400.000.000)	-	(6.425.663.896)
Tại ngày 31/12/2024	<u>105.793.276.510</u>	<u>887.580.754.502</u>	<u>8.193.420.062</u>	<u>1.124.557.208</u>	<u>1.002.692.008.282</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	61.230.304.003	207.863.501.602	4.535.592.578	349.170.077	273.978.568.260
Tại ngày 31/12/2024	<u>54.832.127.021</u>	<u>185.775.760.835</u>	<u>3.572.092.806</u>	<u>568.215.875</u>	<u>244.748.196.537</u>

TỔNG CÔNG TY VIỆT THĂNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	66.421.928.105	294.554.637.602	5.097.846.818	616.538.364	366.690.950.889
Tại ngày 31/12/2024	66.421.928.105	691.084.016.228	4.196.500.994	753.218.274	762.455.663.601

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của một số tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 169.060.142.849 VND (tại ngày 01/01/2024 là 181.356.044.177 VND) – Xem thêm mục 5.18.

5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2024	581.370.000
Tăng trong năm	-
Tại ngày 31/12/2024	581.370.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2024	116.274.000
Khấu hao trong năm	116.274.000
Tại ngày 31/12/2024	232.548.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2024	465.096.000
Tại ngày 31/12/2024	348.822.000

5.10 Tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2024	99.345.324.219
Tăng từ XDCB	5.846.727.550
Tại ngày 31/12/2024	105.192.051.769
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2024	59.206.852.910
Khấu hao trong năm	4.658.470.206
Tại ngày 31/12/2024	63.865.323.116
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2024	40.138.471.309
Tại ngày 31/12/2024	41.326.728.653

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê:

Tại ngày 01/01/2024	36.304.849.375
Tại ngày 31/12/2024	36.304.849.375

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ việc cho thuê	41.339.620.291	40.735.940.989
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	11.569.266.113	8.376.137.566
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2024 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển vào BĐS đầu tư trong năm VND	31/12/2024 VND
Mua sắm tài sản cố định					
- Máy dệt vải	36.083.957.530	411.349.138	(36.495.306.668)	-	-
- Máy nén khí trục vít dầu	-	5.045.107.019	(5.045.107.019)	-	-
- Máy ghép Hubei	-	1.741.172.468	(1.741.172.468)	-	-
- Phần mềm Bravo ERP	-	4.620.197.700	-	-	4.620.197.700
- Tài sản khác	-	2.202.671.113	(2.202.671.113)	-	-
Xây dựng cơ bản					
- Nâng cấp hệ thống vận chuyển búp sợi thô tự động	1.379.973.180	250.353.521	(1.630.326.701)	-	-
- Cải tạo nhà xưởng, văn phòng, nhà kho	-	5.332.727.550	-	(5.332.727.550)	-
- Công trình khác	-	1.021.050.000	(507.050.000)	(514.000.000)	-
	37.463.930.710	20.624.628.509	(47.621.633.969)	(5.846.727.550)	4.620.197.700

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tại ngày đầu năm	1.454.776.596	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(1.118.989.333)	1.762.928.984
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(308.152.388)
Tại ngày cuối năm	335.787.263	1.454.776.596

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là các khoản chênh lệch tạm thời của các khoản chi phí trích trước chưa chi, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm, các khoản lãi dự thu, dự chi trong năm.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**5.13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	2.786.569.655	2.786.569.655	4.204.125.985	4.204.125.985
Các tổ chức và cá nhân khác				
Kangwai Polyester Co., Ltd	5.090.024.930	5.090.024.930	2.491.842.929	2.491.842.929
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	-	19.513.002.417	19.513.002.417
Thai Rayon Public Company Limited	4.185.414.516	4.185.414.516	-	-
Công ty TNHH Tinh bột Công nghiệp Việt Đức	3.781.250.000	3.781.250.000	2.819.850.000	2.819.850.000
Các nhà cung cấp khác	14.703.876.519	14.703.876.519	11.004.550.543	11.004.550.543
	30.547.135.620	30.547.135.620	40.033.371.874	40.033.371.874

5.13.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Người mua trả tiền trước khác		
Ichimuara Sangyo Co., Ltd (Osaka) Head Office	2.544.481.710	152.291.498
Bùi Đức Nhạc	1.314.876.192	-
Các khách hàng khác	1.686.004.622	4.074.172.176
	5.545.362.524	4.226.463.674

5.15 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong năm		31/12/2024
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	(29.160)	46.238.366.738	(45.667.498.481)	570.839.097
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	474.609.289	(474.609.289)	-
Thuế TNDN	-	(1.040.076.392)	7.725.278.605	-	6.685.202.213
Thuế thu nhập cá nhân	334.418.102	-	1.258.051.208	(1.395.279.055)	197.190.255
Tiền thuế đất	-	-	23.888.751.962	(23.888.751.962)	-
Thuế khác	-	-	42.227.744	(42.227.744)	-
	334.418.102	(1.040.105.552)	79.627.285.546	(71.468.366.531)	7.453.231.565

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% và 10% đối với hoạt động chính của công ty, là 5% với hoạt động khác, là 0% với mặt hàng xuất khẩu, và không thuế suất đối với hoạt động không chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.236.959.261	16.418.119.025
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.434.808.767	12.462.282.707
Thu nhập chịu thuế	39.671.768.028	28.880.401.732
Thu nhập được miễn thuế	(1.045.375.000)	(1.045.375.000)
Thu nhập tính thuế	38.626.393.028	27.835.026.732
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	7.725.278.605	5.567.005.346
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	-	154.494.763
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.725.278.605	5.721.500.109

Các loại thuế khác:

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Trích trước tiền điện	3.598.447.704	2.897.968.756
Chi phí khác	340.000.000	190.000.000
	3.938.447.704	3.087.968.756

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả bên liên quan		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Cổ tức	3.942.000.000	-
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Các khoản tài trợ thương mại từ ngân hàng (*)	-	135.911.850.561
Cổ tức phải trả các đối tượng khác	5.337.898.500	405.345.000
Nhận đặt cọc, ký quỹ	1.377.802.667	-
Kinh phí công đoàn	286.388.940	297.322.800
Các khoản phải trả khác	458.703.594	952.933.074
	11.402.793.701	137.567.451.435

(*) Đây là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS/LC) cung cấp bởi các ngân hàng với kỳ hạn trả chậm là 180 ngày.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.025.970.318	4.642.522.985
	<u>4.025.970.318</u>	<u>4.642.522.985</u>

5.17.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.18 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn các tổ chức khác				
Vay ngắn hạn (*)	461.162.639.547	461.162.639.547	369.667.182.818	369.667.182.818
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	23.253.414.235	23.253.414.235	33.073.943.282	33.073.943.282
	<u>484.416.053.782</u>	<u>484.416.053.782</u>	<u>402.741.126.100</u>	<u>402.741.126.100</u>

(*) Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2024 VND	Vay trong năm VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2024 VND
Vay ngắn hạn – Ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	274.424.674.773	466.892.806.508	(468.162.754.438)	273.154.726.843
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	95.242.508.045	359.652.367.680	(275.708.302.199)	179.186.573.526
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	74.990.008.076	(66.168.668.898)	8.821.339.178
Ngân hàng SINOPAC – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	61.498.179.237	(61.498.179.237)	-
	<u>369.667.182.818</u>	<u>963.033.361.501</u>	<u>(871.537.904.772)</u>	<u>461.162.639.547</u>

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(**) Chi tiết phát sinh về các khoản nợ dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	01/01/2024	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chuyển từ nợ dài hạn đến hạn trả	Chênh lệch tỷ giá	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn						
Vay USD						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	15.593.373.418	-	(13.808.220.000)	1.234.182.520	106.963.821	3.126.299.759
Vay VND						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	11.300.000.000	-	(11.310.000.000)	12.607.191.752	-	12.597.191.752
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	2.380.523.304	-	(2.380.523.304)	1.504.610.144	-	1.504.610.144
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	3.800.046.560	-	(5.468.995.940)	7.694.261.960	-	6.025.312.580
	33.073.943.282	-	(32.967.739.244)	23.040.246.376	106.963.821	23.253.414.235

TÓNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Vay VND	Thời hạn	Mục đích vay	Lãi suất năm	31/12/2024	01/01/2024
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	6 - 9 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	4,5% – 4,2%	273.154.726.843	274.424.674.773
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (ii)	6 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	4,0%	8.821.339.178	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii)	6 tháng	Bổ sung vốn lưu động, phát hành tín dụng chứng từ (LC) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may	4,5% – 5,1%	179.186.573.526	95.242.508.045
				461.162.639.547	369.667.182.818

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024: 16.244.949.735 VND (tại ngày 01/01/2024: 98.474.624.827 VND).
 (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024: 3.695.816.244 VND (tại ngày 01/01/2024: 0 VND).
 (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024: 1.117.107.187 VND (tại ngày 01/01/2024: 19.593.249.661 VND).

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.18.2 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay dài hạn (*)	50.573.493.881	50.573.493.881	80.017.106.232	80.017.106.232
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh 5.18.1)	(23.253.414.235)	(23.253.414.235)	(33.073.943.282)	(33.073.943.282)
	27.320.079.646	27.320.079.646	46.943.162.950	46.943.162.950

(*) Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	01/01/2024	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	Chênh lệch tỷ giá	31/12/2024
Vay dài hạn – Ngân hàng		VND	VND	VND	VND	VND
Vay USD						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	1.216.262.520	-	-	(1.234.182.520)	17.920.000	-
Vay VND						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	24.126.687.620	3.955.559.532	-	(12.607.191.752)	-	15.475.055.400
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (ii)	4.053.967.245	-	-	(1.504.610.144)	-	2.549.357.101
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii)	17.546.245.565	-	(556.316.460)	(7.694.261.960)	-	9.295.667.145
	46.943.162.950	3.955.559.532	(556.316.460)	(23.040.246.376)	17.920.000	27.320.079.646

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chi tiết của các khoản vay dài hạn như sau:

	Thời hạn Năm	Mục đích vay	Lãi suất năm	31/12/2024	01/01/2024
				VND	VND
Vay USD					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	05 – 08	Đầu tư thay thế, bổ sung máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án không bao gồm lãi nhập gốc. Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà khách hàng đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án	7,41 - 7,71%	3.126.299.759	16.809.635.938
Vay VND					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	05 – 08	Đầu tư thay thế, bổ sung máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án không bao gồm lãi nhập gốc. Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà khách hàng đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án	7,0 - 7,4%	28.072.247.152	35.426.687.620
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (ii)	05	Đầu tư tài sản bổ sung các máy móc thiết bị	7,5%	4.053.967.245	6.434.490.549
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii)	05	Phát hành tín dụng chứng từ trả ngay L/C và tài trợ vốn hoàn vốn tự có để thực hiện dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị của nhà máy sợi	7,9%	15.320.979.725	21.346.292.125
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả					
			Lãi suất năm	31/12/2024	01/01/2024
				VND	VND
Vay USD					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	01		7,41 - 7,71%	(3.126.299.759)	(15.593.373.418)
Vay VND					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	01		7,0 - 7,4%	(12.597.191.752)	(11.300.000.000)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	01		7,5%	(1.504.610.144)	(2.380.523.304)
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	01		7,9%	(6.025.312.580)	(3.800.046.560)
				27.320.079.646	46.943.162.950

1/21 11/2024

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024: 103.759.193.741 VND (tại ngày 01/01/2024: 10.958.177.553 VND).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024: 11.851.286.968 VND (tại ngày 01/01/2024: 17.531.336.434 VND).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024: 32.391.804.370 VND (tại ngày 01/01/2024: 34.798.655.702 VND).

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tại ngày đầu năm	3.991.184.395	9.959.123.201
Trích từ lợi nhuận	373.786.437	4.627.213.683
Sử dụng trong năm	(1.957.445.320)	(10.595.152.489)
Tại ngày cuối năm	<u>2.407.525.512</u>	<u>3.991.184.395</u>

5.20 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2023	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	289.682.968.881	556.142.518.731
Lãi trong năm	-	-	-	12.459.547.900	12.459.547.900
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.627.213.683)	(4.627.213.683)
Chia cổ tức	-	-	-	(52.500.000.000)	(52.500.000.000)
Số dư 31/12/2023	<u>210.000.000.000</u>	<u>3.062.727.273</u>	<u>53.396.822.577</u>	<u>245.015.303.098</u>	<u>511.474.852.948</u>
Số dư 01/01/2024	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	245.015.303.098	511.474.852.948
Lãi trong năm	-	-	-	22.392.691.323	22.392.691.323
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(373.786.437)	(373.786.437)
Chia cổ tức 2023	-	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Chia cổ tức 2024	-	-	-	(8.400.000.000)	(8.400.000.000)
Số dư 31/12/2024	<u>210.000.000.000</u>	<u>3.062.727.273</u>	<u>53.396.822.577</u>	<u>237.634.207.984</u>	<u>504.093.757.834</u>

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 09 ngày 09 tháng 09 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, các cổ đông Công ty đã góp đủ vốn.

	31/12/2024			01/01/2024		
	Cổ phiếu	Số tiền VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Số tiền VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	46,93%	9.855.000	98.550.000.000	46,93%
Cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	53,07%	11.145.000	111.450.000.000	53,07%
	21.000.000	210.000.000.000	100,00%	21.000.000	210.000.000.000	100,00%

5.20.3 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.20.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 63/NQĐHCĐ-TVT ngày 09 tháng 05 năm 2024 và tạm ứng chi trả cổ tức lần 1 năm 2024 cho cổ đông theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 129/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	373.786.437
• Chia cổ tức năm 2023	21.000.000.000
• Tạm ứng cổ tức năm 2024	8.400.000.000
	29.773.786.437

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán
Ngoại tệ**

	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	3.051.641,22	926.928,48

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	967.184.575.164	954.823.833.360
Doanh thu bán hàng hóa	43.110.343.130	157.161.742.926
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.393.733.155	26.061.781.267
Doanh thu bán phế liệu	22.313.011.298	35.970.617.019
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	41.339.620.291	40.735.940.989
	1.104.341.283.038	1.214.753.915.561
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	-	(22.580.000)
Hàng bán bị trả lại	-	(888.664.000)
Doanh thu thuần	1.104.341.283.038	1.213.842.671.561

Trong đó, doanh thu với các bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Cổ phần May Việt Thắng		
Doanh thu bán thành phẩm	-	124.163.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.782.273.178	1.627.355.054
Doanh thu cho thuê	2.024.635.138	1.493.319.110
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An		
Doanh thu bán thành phẩm	1.102.928.750	182.829.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.315.015.780	1.161.378.324
Doanh thu bán hàng hóa	-	3.960.000
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	999.865.219	959.969.755
Doanh thu cho thuê	309.702.080	209.544.000
	7.534.420.145	5.762.518.743

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn thành phẩm	859.967.281.254	910.932.849.503
Giá vốn hàng hóa	43.424.512.506	155.025.172.992
Giá vốn cung cấp dịch vụ	28.155.568.706	22.385.505.206
Giá vốn phế liệu	19.956.465.911	31.789.967.295
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	11.569.266.113	8.376.137.566
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.287.738.598)	(5.517.245.671)
	959.785.355.892	1.122.992.386.891

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.685.050.667	11.967.936.785
Cổ tức được chia	1.045.375.000	1.045.375.000
Tiền lãi chậm thanh toán	198.720.124	493.903.469
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.485.748.550	5.046.523.498
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ	752.838.503	-
	5.167.732.844	18.553.738.752

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	26.988.687.372	37.398.583.368
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư	5.438.734.841	(399.554.802)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.393.682.954	3.702.411.660
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ	-	1.013.583.560
	35.821.105.167	41.715.023.786

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.204.109.335	1.244.711.823
Chi phí hoa hồng	2.492.113.391	2.144.654.025
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	106.772.746
Cước vận chuyển	2.942.384.045	1.682.386.818
Chi phí bán hàng khác	1.894.239.757	713.078.530
	8.532.846.528	5.891.603.942

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	43.178.594.161	22.803.415.199
Thuế, tiền thuê đất	11.182.624.634	5.921.173.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.515.133.992	3.111.192.878
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.006.658.172	14.544.863.284
	74.883.010.959	46.380.645.209

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	319.444.444	775.319.866
Các khoản tiền bồi thường	380.735.290	5.137.264
Các khoản thu nhập khác	101.572.337	400.139.789
	801.752.071	1.180.596.919

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.8 Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa	59.879.297.355	159.888.718.646
Chi phí nguyên vật liệu	592.370.154.127	676.654.157.640
Chi phí nhân công	150.976.635.116	128.541.309.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.626.749.898	86.126.563.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.108.155.265	176.534.464.492
Chi phí bằng tiền khác	20.868.013.391	14.622.174.397
	<u>1.106.829.005.152</u>	<u>1.242.367.388.608</u>

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	966.988.921.033	825.057.392.298
	<u>966.988.921.033</u>	<u>825.057.392.298</u>

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	905.061.960.476	1.102.065.864.668
	<u>905.061.960.476</u>	<u>1.102.065.864.668</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như đầu tư ngắn hạn, dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.3 và đầu tư dài hạn khác được trình bày tại thuyết minh số 5.2.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Các khoản vay	484.416.053.782	27.320.079.646	511.736.133.428
Phải trả người bán	30.547.135.620	-	30.547.135.620
Các khoản chi phí phải trả, phải trả, phải nộp khác	15.054.852.465	4.025.970.318	19.080.822.783
	530.018.041.867	31.346.049.964	561.364.091.831

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 01 tháng 01 năm 2024			
Các khoản vay	402.741.126.100	46.943.162.950	449.684.289.050
Phải trả người bán	40.033.371.874	-	40.033.371.874
Các khoản chi phí phải trả, phải trả, phải nộp khác	140.358.097.391	4.642.522.985	145.000.620.376
	583.132.595.365	51.585.685.935	634.718.281.300

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024:

- Công ty thế chấp tài sản cố định hữu hình của mình để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng – xem mục 5.8; và
- Công ty có nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác (mục 5.17).

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	138.057.899.962	137.885.184.008	138.057.899.962	137.885.184.008
Phải thu khác	1.914.109.122	4.851.418.454	1.914.109.122	4.851.418.454
Các khoản đầu tư	3.600.000.000	85.600.000.000	3.600.000.000	85.600.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	166.116.689.159	144.648.412.474	166.116.689.159	144.648.412.474
	309.688.698.243	372.985.014.936	309.688.698.243	372.985.014.936
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	511.736.133.428	449.684.289.050	511.736.133.428	449.684.289.050
Phải trả người bán	30.547.135.620	40.033.371.874	30.547.135.620	40.033.371.874
Chi phí phải trả, các khoản phải trả khác	19.080.822.783	145.000.620.376	19.080.822.783	145.000.620.376
	561.364.091.831	634.718.281.300	561.364.091.831	634.718.281.300

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Vào ngày 01 tháng 01 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác			
Hội đồng Quản trị	Chức vụ		
Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	128.000.000	378.934.000
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Chủ tịch HĐQT	856.193.000	1.101.742.818
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	88.000.000	72.000.000
Ông Diêu Chí Hảo	Thành viên	94.000.000	130.966.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên	94.000.000	133.091.000
Ban Kiểm soát	Chức vụ		
Bà Vũ Thị Thủy Dương	Trưởng ban	94.000.000	134.366.000
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	240.876.000	274.144.813
Bà Đào Thị Nội	Thành viên	68.000.000	86.384.000
Ban Quản lý điều hành	Chức vụ		
Ông Nguyễn Quang Minh	Tổng Giám đốc	984.471.661	1.226.746.772
Ông Đậu Phi Quyết	Phó Tổng Giám đốc	795.596.391	781.606.855
Ông Bùi Đăng Hoàn	Giám đốc điều hành	458.280.000	590.867.924
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng	776.724.775	768.401.250

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các khoản giao dịch nêu tại thuyết minh 5.2.2. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Chia cổ tức	13.797.000.000	24.637.500.000
Công ty Cổ phần May Việt Thắng		
Mua hàng hóa	118.273.246	165.599.253
Đặt cọc thuê kiot	-	35.000.000
Cổ tức được chia	1.045.375.000	1.045.375.000
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An		
Mua hàng hóa	7.909.920.015	6.668.642.464
Chi phí gia công	29.948.559.100	34.745.324.467
Chi phí dịch vụ khác	603.525.787	402.234.110

Công nợ với các bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.3, 5.4, 5.13, 5.17.

9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin về báo cáo theo bộ phận được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

HOÀNG THỊ THÚY VÂN
Người lập**DIỆP QUỐC BÌNH**
Kế toán trưởng**NGUYỄN QUANG MINH**
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025